BỘ XÂY DỰNG **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------**
Số: 767/QĐ-BXD	*Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG DỌC TUYẾN ĐƯỜNG CAO TỐC BIÊN HOÀ – VŨNG TÀU ĐẾN NĂM 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu

- Khai thác hiệu quả quỹ đất dọc tuyến đường nhằm phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo phát triển bền vững;

- Làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng, triển khai các dự án đầu tư xây dựng và quản lý phát triển dọc tuyến đường;

2. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng dọc tuyến đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu với chiều dài toàn tuyến khoảng 76 km, bề rộng tối thiểu mỗi bên dọc theo tuyến khoảng 2 km, trên địa bàn 2 tỉnh gồm tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu.

Tổng diện tích khoảng 520 km2 (sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu quy hoạch).

3. Tính chất

- Là hành lang phát triển kinh tế, trục đô thị hoá quan trọng của vùng trọng điểm phía Nam (vùng thành phố Hồ Chí Minh).

- Là tuyến giao thông cao tốc nối kết khu vực trung tâm vùng trọng điểm phía Nam (vùng thành phố Hồ Chí Minh) đến đô thị cảng biển, công nghiệp, du lịch.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Trong quá trình nghiên cứu quy hoạch phải xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với tính chất, chức năng của từng đô thị và khu vực dọc tuyến đường.

5. Nguyên tắc lập quy hoạch xây dựng dọc tuyến đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu.

- Phù hợp với các nguyên tắc và định hướng phát triển không gian vùng Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phù hợp với yêu cầu phát triển ngành có liên quan;

- Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đảm bảo giao lưu thuận lợi, an toàn giao thông trên tuyến đường.

- Phù hợp với Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng.

6. Các nội dung nghiên cứu

6.1. Đánh giá thực trạng xây dựng và các dự án đã và đang triển khai về sử dụng đất, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đặc biệt đối với dự án lớn như sân bay Quốc tế Long Thành, đường sắt cao tốc TP Hồ Chí Minh – Vũng Tàu, nhóm cảng biển số 5.

6.2. Đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác liên quan đến sự phát triển vùng dọc tuyến, các đô thị và khu chức năng trong vùng.

6.3. Đề xuất định hướng phát triển không gian vùng dọc theo tuyến cao tốc:

a) Xác định các vùng chức năng về công nghiệp; du lịch, nghỉ dưỡng, các khu vực bảo vệ cảnh quan, thiên nhiên môi trường, di tích, danh thắng; rừng phòng hộ, sản xuất; sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh .v.v…;

b) Tổ chức hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn: xác định hệ thống đô thị trên dọc tuyến về vị trí, quy mô, tính chất, chức năng (đô thị hiện có và dự kiến hình thành mới); vị trí, quy mô, mô hình phát triển các điểm dân cư nông thôn trong vùng (hiện có và dự kiến hình thành mới);

c) Xác định mạng lưới các điểm xăng dầu, dịch vụ giao thông ...

6.4. Đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: về giao thông (các tuyến song hành...), chuẩn bị kỹ thuật, mạng lưới cấp nước và cấp điện, mạng lưới thoát nước bẩn và quản lý chất thải rắn phù hợp với định hướng phát triển không gian vùng dọc tuyến cao tốc:

a) Giao thông

- Xác định khung giao thông kết nối vùng TP Hồ Chí Minh, vùng trọng điểm phía Nam với hệ thống vận tải thủy, cảng sông Đồng Nai, Thị Vải, Cái Mép;

- Xác định hệ thống giao thông nội vùng kết nối đô thị với các khu chức năng dọc tuyến;

- Xác định các đầu mối giao cắt giữa đường cao tốc với các đường giao thông khác;

- Đề xuất các yêu cầu về giao thông đi qua đô thị và các khu vực dân cư nông thôn.

b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Xác định quỹ đất để phát triển các khu chức năng, đô thị, điểm dân cư nông thôn dọc tuyến và các vùng cấm, hạn chế xây dựng;

- Xác định cao độ xây dựng, lưu vực và hướng thoát nước cho đô thị và các khu chức năng;

- Xác định và đề xuất các giải pháp phòng chống đối với các vùng có nguy cơ tai biến địa chất và thiên nhiên (động đất, xói lở, lũ lụt...).

c) Cấp nước:

- Dự báo tổng hợp nhu cầu cấp nước trên toàn vùng, các khu vực trong vùng, đặc biệt cho các vùng tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch và dịch vụ;

- Xác định nguồn, giải pháp cấp nước cho các đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn và các khu chức năng trong vùng;

- Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là các hệ thống sông hồ.

d) Cấp điện:

- Dự báo tổng hợp nhu cầu cấp điện trên toàn vùng, các khu vực trong vùng, đặc biệt cho các vùng tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch và dịch vụ;

- Xác định nguồn, giải pháp cấp điện (bao gồm các nguồn cung cấp năng lượng sạch khác) cho các đô thị và các khu chức năng trong vùng;

- Xác định vị trí và quy mô các trạm biến áp hiện có và dự kiến; hệ thống truyền tải và phân phối từ 220 KV trở lên trong vùng;

e) Thoát nước, vệ sinh môi trường:

Trên quan điểm liên kết vùng, đề xuất các giải pháp thu gom, xử lí rác thải, hệ thống nghĩa trang mang tính liên vùng, liên đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu chức năng khác đặc biệt vấn đề rác công nghiệp, xử lí môi trường...

6.5. Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất các giải pháp hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.

- Đánh giá hiện trạng về môi trường tự nhiên vùng: điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất; khai thác và sử dụng tài nguyên, biến đổi khí hậu; chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải; các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản;

- Phân tích, dự báo những tác động đến môi trường để làm cơ sở khoanh vùng các khu vực bảo vệ nguồn nước sạch, xử lý nước thải, bãi thải, nghĩa trang và vùng ảnh hưởng khói bụi, khí độc và tiếng ồn; vùng bảo vệ cảnh quan;

- Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước, không khí khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Nêu các giải pháp, cơ chế quản lý nhằm khống chế, giảm thiểu và xử lý các tác động có hại đến môi trường.

- Đề xuất các chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật và quan trắc môi trường.

6.6. Đề xuất lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn; xác định các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện.

6.7. Đề xuất cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch.

7. Thành phần hồ sơ

7.1. Phần văn bản :

Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý kèm theo

7.2. Hồ sơ bản vẽ:

a/	Các sơ đồ liên hệ vùng,	1/100.000- 1/250.000
b/	Sơ đồ hiện trạng tổng hợp	1/25.000
c/	Các sơ đồ phân tích	1/25.000 – 1/50.000
d/	Sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng dọc tuyến cao tốc	1/25.000
e/	Các sơ đồ định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng dọc tuyến cao tốc	1/25.000
g/	Sơ đồ các mô hình phát triển một số đô thị có ý nghĩa vùng	Tỷ lệ thích hợp

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ đầu tư dự án quy hoạch: Bộ Xây Dựng;

- Cơ quan lập quy hoạch: Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị Nông thôn (Bộ Xây dựng)

- Cơ quan thẩm định và trình duyệt: Bộ Xây dựng;

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Tiến độ lập quy hoạch: 12 tháng sau khi nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng, Vụ Kế hoạch Tài chính và Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu ;
- Lưu: VP, KHTC, Cục PTĐT, Vụ KTQH (5b)

Nguyễn Đình Toàn